



Phụ lục số 15: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng  
Appendix 15: Report on change of Net Asset Value

(Ban hành kèm theo Thông tư số 229/2012/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục)  
(Issued in association with Circular 229/2012/TT-BTC on 27 December 2012 guiding establishment and management of the Exchange Traded Fund)

**GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ**  
**NET ASSET VALUE OF FUND**  
(tuần từ 18/10/2019 đến 24/10/2019)  
(Reporting period: from Oct 18th 2019 to Oct 24th 2019)

1	<b>Tên Công ty quản lý quỹ:</b> Management Fund Company name:	<b>Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI</b> SSI Asset Management Company Limited
2	<b>Tên Ngân hàng giám sát:</b> Supervising bank:	<b>Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành</b> Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Hathanh Branch
3	<b>Tên Quỹ:</b> Fund name:	<b>Quỹ ETF SSIAM VNX50</b> SSIAM VNX50 ETF
4	<b>Ngày lập báo cáo:</b> Reporting Date:	<b>Ngày 25 tháng 10 năm 2019</b> 25/10/2019

Đơn vị tính: VND  
Unit: VND

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỲ BÁO CÁO THIS PERIOD 24/10/2019	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 17/10/2019
A	<b>Giá trị tài sản ròng</b> Net Asset Value		
A.1	<b>Giá trị tài sản ròng (NAV) đầu kỳ</b> Net Asset Value (NAV) at the beginning of period		
	<i>của quỹ/ per Fund</i>	182,700,564,665	181,850,475,494
	<i>của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate</i>	1,323,917,135	1,317,757,068
	<i>của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate</i>	13,239.17	13,177.57
A.2	<b>Giá trị tài sản ròng (NAV) cuối kỳ</b> Net Asset Value (NAV) at the end of period		
	<i>của quỹ/ per Fund</i>	183,353,153,579	182,700,564,665
	<i>của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate</i>	1,328,646,040	1,323,917,135
	<i>của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate</i>	13,286.46	13,239.17
A.3	<b>Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ, trong đó:</b> Change of NAV per Fund Certificate during period, in Which:		
	<i>Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ</i> <i>Changes of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period</i>	47.29	61.60
	<i>Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ</i> <i>Change of net asset value related to investors during the period</i>	-	-
	<i>Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư trong kỳ</i> <i>Change of NAV due to profit distribution to investors during the period</i>	-	-
	<i>Thay đổi GTTSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ</i> <i>Change of NAV due to subscription, redemption during the period</i>	-	-
A.4	<b>Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b> Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)</i>	184,543,670,354	184,543,670,354
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)</i>	113,870,695,767	113,870,695,767
B	<b>Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ</b> Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date)		
B.1	<b>Giá trị đầu kỳ</b> Beginning period Value	13,280	13,200
B.2	<b>Giá trị cuối kỳ</b> Ending period Value	13,300	13,280
B.3	<b>Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước</b> Change of market value in the period in comparison to the last period	20	80
B.4	<b>Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ</b> Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate		
	<i>Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)</i>	13.54	40.83
	<i>Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ Relative difference (discount(-)/ premium(+))</i>	0.10%	0.31%
B.5	<b>Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất</b> Highest/lowest Market Value within latest 52 weeks		
	<i>Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)</i>	13,500	13,500
	<i>Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)</i>	11,730	11,730



*Trần Thùy Linh*  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**